

QUYẾT ĐỊNH

Quy định diện tích, vị trí, mục đích sử dụng của công trình xây dựng phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh An Giang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số
43/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi
hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết về
đất trồng lúa;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 34/2026/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định
chi tiết về cấp công trình xây dựng phục vụ quản lý hoạt động xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình
số 1384/TTr-SNNMT ngày 22 tháng 9 năm 2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định diện tích, vị trí, mục đích
sử dụng của công trình xây dựng phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên
đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định diện tích, vị trí, mục đích sử dụng của công trình
xây dựng phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa trên địa bàn
tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP
của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan quản lý nhà nước về đất đai; người sử dụng đất trồng lúa và các
cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Diện tích, vị trí, mục đích sử dụng của công trình xây dựng phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa

1. Diện tích công trình xây dựng: Công trình chỉ được xây dựng tại khu vực đất trồng lúa tập trung, có diện tích tối thiểu từ 50 ha; tỷ lệ diện tích xây dựng công trình tối đa chiếm 0,2% diện tích đất trồng lúa tập trung nhưng tổng diện tích không vượt quá 1.000 m².

2. Vị trí công trình: Công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa được xây dựng tại 01 (một) hoặc nhiều vị trí khác nhau trong khu vực đất trồng lúa, đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều này. Việc xây dựng công trình phải đảm bảo tuân thủ các điều kiện quy định tại điểm a, điểm b, khoản 1 Điều 9 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

3. Mục đích sử dụng công trình: Phục vụ sơ chế, bảo quản nông sản; kho chứa vật tư nông nghiệp, máy móc, dụng cụ lao động; trưng bày, giới thiệu sản phẩm nông nghiệp theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm phổ biến, tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này trên địa bàn tỉnh; tổng hợp kết quả thực hiện và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Sở Xây dựng có trách nhiệm phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường và đặc khu thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, hướng dẫn về trình tự, thủ tục thực hiện cho các tổ chức, cá nhân trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật khác liên quan theo thẩm quyền; đồng thời, hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã, phường và đặc khu xử lý các trường hợp xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp không đúng quy định.

3. Ủy ban nhân dân xã, phường và đặc khu có trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn, tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định liên quan; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, xử lý các trường hợp xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp không đúng quy định; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh nếu để xảy ra tình trạng xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa vi phạm pháp luật thuộc địa bàn quản lý. Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) theo quy định.

4. Người sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh An Giang có trách nhiệm tuân thủ đúng các quy định tại Quyết định này và các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng và pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Điều khoản thi hành và tổ chức thực hiện

1. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09 tháng 10 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật – Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- VPUBND tỉnh: LĐVP, P. KT;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, tbtri.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Ngô Công Thúc